

Số: **004702/PTC-PCTT**
V/v Cập nhật một số nội dung văn bản
pháp luật (Tháng 10/2019)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2019

Kính gửi:

- Hội đồng quản trị;
- Ban Tổng giám đốc;
- Các Phòng/Đơn vị trực thuộc.

Phòng PCTT tổng hợp một số nội dung cơ bản của các văn bản pháp luật được Nhà nước ban hành trong tháng 9/2019 có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty, cụ thể như sau:

Nghị định số 75/2019/NĐ-CP ngày 26/9/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh. Cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt, việc thi hành quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính về cạnh tranh, hành vi vi phạm hành chính về cạnh tranh khác và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính về cạnh tranh khác.

2. Hành vi vi phạm hành chính về cạnh tranh bao gồm:

- a) Hành vi vi phạm quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh;
- b) Hành vi vi phạm quy định về lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền;
- c) Hành vi vi phạm quy định về tập trung kinh tế;
- d) Hành vi vi phạm quy định về cạnh tranh không lành mạnh;
- đ) Hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) bao gồm cả doanh nghiệp sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, doanh nghiệp hoạt động trong các ngành, lĩnh vực thuộc độc quyền nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

2. Hiệp hội ngành, nghề hoạt động tại Việt Nam.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan.

Điều 3. Hình thức xử phạt vi phạm và biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính về cạnh tranh

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính về cạnh tranh, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính về cạnh tranh còn có thể bị áp dụng một hoặc một số hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 12 tháng;
- b) Tịch thu tang vật vi phạm, phương tiện được sử dụng để vi phạm;
- c) Tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm;
- d) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương.

3. Ngoài các hình thức xử phạt theo quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính về cạnh tranh còn có thể bị buộc áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

- a) Buộc cải chính công khai;
- b) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm;
- c) Buộc cơ cấu lại doanh nghiệp lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền;
- d) Buộc loại bỏ những điều khoản vi phạm pháp luật ra khỏi hợp đồng, thỏa thuận hoặc giao dịch kinh doanh;
- đ) Buộc chia, tách, bán lại một phần hoặc toàn bộ vốn góp, tài sản của doanh nghiệp hình thành sau tập trung kinh tế;
- e) Buộc chịu sự kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ hoặc các điều kiện giao dịch khác trong hợp đồng của doanh nghiệp nhận sáp nhập, doanh nghiệp mua lại, doanh nghiệp mới hình thành sau tập trung kinh tế;
- g) Buộc cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu;
- h) Buộc khôi phục các điều kiện phát triển kỹ thuật, công nghệ mà doanh nghiệp đã cản trở;
- i) Buộc loại bỏ các điều kiện bất lợi đã áp đặt cho khách hàng;
- k) Buộc khôi phục lại các điều khoản hợp đồng, hợp đồng đã thay đổi hoặc hủy bỏ mà không có lý do chính đáng;
- l) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu.

4. Thời hạn áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm e khoản 3 Điều này phải được nêu trong quyết định xử lý, xử phạt.

Điều 4. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính về cạnh tranh

- Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền là 10% tổng doanh thu của doanh nghiệp có hành vi vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm, nhưng thấp hơn mức phạt tiền thấp nhất đối với tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự.

- Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm quy định về tập trung kinh tế là 05% tổng doanh thu của doanh nghiệp vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm.

- Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm quy định về cạnh tranh không lành mạnh là 2.000.000.000 đồng.

- Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi khác vi phạm quy định của Nghị định này là 200.000.000 đồng.

Điều 5. Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng

❖ Chương II. HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ CẠNH TRANH

- Mục 1. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THỎA THUẬN HẠN CHẾ CẠNH TRANH

Điều 6. Hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh của các doanh nghiệp trên cùng thị trường liên quan

1. Phạt tiền từ 01% đến 10% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm của từng doanh nghiệp là các bên tham gia thỏa thuận đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Thỏa thuận ấn định giá hàng hóa, dịch vụ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp;
- b) Thỏa thuận phân chia khách hàng, phân chia thị trường tiêu thụ, nguồn cung cấp hàng hóa, cung ứng dịch vụ;
- c) Thỏa thuận hạn chế hoặc kiểm soát số lượng, khối lượng sản xuất, mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

- d) Thỏa thuận để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu khi tham gia đấu thầu trong việc cung cấp hàng hóa, cung ứng dịch vụ;
- đ) Thỏa thuận ngăn cản, kìm hãm, không cho doanh nghiệp khác tham gia thị trường hoặc phát triển kinh doanh;
- e) Thỏa thuận loại bỏ khỏi thị trường những doanh nghiệp không phải là các bên tham gia thỏa thuận;
- g) Thỏa thuận hạn chế phát triển kỹ thuật, công nghệ, hạn chế đầu tư khi thỏa thuận đó gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường;
- h) Thỏa thuận áp đặt hoặc ấn định điều kiện ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho doanh nghiệp khác hoặc thỏa thuận buộc doanh nghiệp khác chấp nhận các nghĩa vụ không liên quan trực tiếp đến đối tượng của hợp đồng khi thỏa thuận đó gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường;
- i) Thỏa thuận không giao dịch với các bên không tham gia thỏa thuận khi thỏa thuận đó gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường;
- k) Thỏa thuận hạn chế thị trường tiêu thụ sản phẩm, nguồn cung cấp hàng hóa, cung ứng dịch vụ của các bên không tham gia thỏa thuận khi thỏa thuận đó gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường;
- l) Thỏa thuận khác gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc loại bỏ những điều khoản vi phạm pháp luật ra khỏi hợp đồng, thỏa thuận hoặc giao dịch kinh doanh.

4. Mức phạt tiền tối đa đối với tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi quy định tại điểm đ, điểm e khoản 1 Điều này phải thấp hơn mức phạt tiền thấp nhất tương ứng được quy định trong Bộ luật Hình sự đối với tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi đó. Trong quá trình xử phạt hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này, khi phát hiện có dấu hiệu của tội phạm quy định tại Điều 217 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2017), Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có trách nhiệm chuyển một phần hoặc toàn bộ hồ sơ liên quan đến dấu hiệu của tội phạm đến cơ quan tố tụng có thẩm quyền để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh của các doanh nghiệp kinh doanh ở các công đoạn khác nhau trong cùng một chuỗi sản xuất, phân phối, cung ứng đối với một loại hàng hóa, dịch vụ nhất định

- Mục 2. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ LẠM DỤNG VỊ TRÍ THỐNG LĨNH THỊ TRƯỜNG, LẠM DỤNG VỊ TRÍ ĐỘC QUYỀN

Điều 8. Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường

Điều 9. Hành vi lạm dụng vị trí độc quyền

- Mục 3. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ TẬP TRUNG KINH TẾ

Điều 10. Hành vi sáp nhập doanh nghiệp bị cấm

Điều 11. Hành vi hợp nhất doanh nghiệp bị cấm

Điều 12. Hành vi mua lại doanh nghiệp bị cấm

Điều 13. Hành vi liên doanh giữa các doanh nghiệp bị cấm

Điều 14. Hành vi không thông báo tập trung kinh tế

Điều 15. Hành vi vi phạm pháp luật về tập trung kinh tế khác

- Mục 4. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH

Điều 16. Hành vi xâm phạm thông tin bí mật trong kinh doanh

Điều 17. Hành vi ép buộc trong kinh doanh

Điều 18. Cung cấp thông tin không trung thực về doanh nghiệp khác

Điều 19. Hành vi gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác

Điều 20. Hành vi lôi kéo khách hàng bất chính

Điều 21. Hành vi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ dưới giá thành toàn bộ

Mục 5. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ CẠNH TRANH KHÁC

Điều 22. Hành vi vi phạm quy định về cung cấp thông tin, tài liệu

Điều 23. Hành vi vi phạm các quy định khác liên quan đến quá trình điều tra và xử lý vụ việc cạnh tranh

Điều 24. Hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trước khi có quyết định cho hưởng miễn trừ của cơ quan có thẩm quyền

Điều 25. Hành vi cung cấp thông tin, vận động, kêu gọi, ép buộc hoặc tổ chức để doanh nghiệp thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh, cạnh tranh không lành mạnh

❖ Chương III. THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ CẠNH TRANH

- Mục 1. THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ CẠNH TRANH

Điều 26. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về tập trung kinh tế và cạnh tranh không lành mạnh

Điều 27. Thẩm quyền xử phạt hành vi vi phạm hành chính về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền

Điều 28. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác

- Mục 2. THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ CẠNH TRANH

Điều 29. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính về cạnh tranh

Điều 30. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác

- Mục 3. THỦ TỤC THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ VỤ VIỆC CẠNH TRANH, QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH VỀ HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ CẠNH TRANH KHÁC

Điều 31. Chấp hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, quyết định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác

Điều 32. Nơi nộp tiền phạt

Điều 33. Thi hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh

Điều 34. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2019 và thay thế Nghị định số 71/2014/NĐ-CP ngày 21/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Cạnh tranh về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh.

Điều 35. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 36. Trách nhiệm thi hành

Các Phòng ban/Đơn vị có nhu cầu cần văn bản để nghiên cứu, đề nghị liên hệ về Phòng PCTT để được cung cấp./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, PCTT

**TL.TỔNG GIÁM ĐỐC
KT.TRƯỞNG PHÒNG PCTT
PHÒNG**



Vũ Anh Cường